

Kinh tế học về thuế (Phần 1)

Kinh tế học của Khu vực công Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright

12/3/2012

Mai Hoàng Chương

1

Cơ cấu nguồn thu của Việt Nam qua các năm gần đây

Cơ cấu thu ngân sách từ 2000 đến 2009									
Năm	2000	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
Tổng thu	100	100	100	100	100	100	100	100	100
Thu trong nước(không kể đầu thô)	50.95	51.29	51.67	54.77	52.49	52.3	55.17	55.13	60.96
Thu từ doanh nghiệp nhà nước	21.7	20.24	18.88	16.85	17.12	16.58	15.94	16.43	18.96
Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	5.22	5.87	6.53	7.91	8.36	9.25	9.94	10.52	11.45
Thu từ công, thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	6.39	6.27	6.8	6.95	7.42	7.9	9.87	10.44	10.81
Thuế sử dụng đất nông nghiệp	1.96	0.62	0.1	0.07	0.06	0.04	0.04	0.02	0.02
Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao	2.02	1.89	1.94	1.84	1.85	1.85	2.35	3.1	3.24
Lệ phí trước bạ	1.03	1.07	1.19	1.37	1.23	1.2	1.8	1.78	2.18
Thu số xổ kiến thiết	2.17	2.45	2.4	2.39	2.32	2.2	1.78	2.18	
Thu phí xăng dầu	2.41	2.42	2.1	1.88	1.73	1.42	1.41	1.08	2.03
Thu phí, lệ phí	2.99	2.44	2.15	2.19	1.84	1.78	1.28	1.6	1.73
Các khoản thu từ nhà đất	3.11	4.43	6.93	9.15	7.78	7.35	10.74	9.17	9.43
Các khoản thu khác	1.95	3.59	2.65	4.18	2.79	2.45	1.8	0.99	1.11
Thu từ đầu thô	25.93	21.4	24.15	25.43	29.16	29.82	24.37	21.31	13.68
Thu từ hải quan	20.89	25.49	22.23	18.29	16.7	15.32	19.11	21.82	23.89
Thuế xuất, nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, thu chênh lệch giá hàng nhập khẩu	14.95	17.83	14.12	11.34	10.36	9.4	12.15	14.38	17.42
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	5.94	7.66	8.1	6.94	6.33	5.92	6.96	7.44	6.47
Thu viện trợ không hoàn lại	2.23	1.82	1.95	1.51	1.65	2.83	1.35	1.74	1.47

Cơ cấu nguồn thu của Việt Nam qua các năm gần đây

Cơ cấu thu ngân sách từ 2000 đến 2009									
Năm	2000	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
Tổng thu	100	100	100	100	100	100	100	100	100
Thu thuế và phí	67.7	70.7	68.9	67	64.1	63	72.5	76	83.7
Thu sở hữu kiến thiết	2.17	2.45	2.4	2.39	2.32	2.2	1.78	2.18	
Các khoản thu khác	1.95	3.59	2.65	4.18	2.79	2.45	1.8	0.99	1.11
Thu từ dầu thô	25.9	21.4	24.2	25	29.2	30	24.4	21	13.7
Thu viện trợ không hoàn lại	2.23	1.82	1.95	1.5	1.65	2.8	1.35	1.7	1.47

3

Nội dung trình bày

- ❑ Thuế: khái niệm, vai trò, phân loại và các tính chất của thuế.
- ❑ Tiêu chuẩn của một hệ thống thuế bền vững.
- ❑ Thuế và công bằng xã hội.
- ❑ Phân chia gánh nặng thuế.

4

Khái niệm về thuế

- ☐ Đóng góp mang tính bắt buộc cho chính phủ mà không gắn với một lợi ích cụ thể.
- ☐ Chuyển quyền kiểm soát các nguồn lực kinh tế từ người nộp thuế sang nhà nước
- ☐ Nguồn thu chung và phân bổ thông qua chính sách chi tiêu
- ☐ Nộp bằng tiền hoặc bằng hiện vật

5

Đặc điểm của nguồn thu từ thuế

- ☐ Mang tính bắt buộc.
- ☐ Không hoàn trả trực tiếp cho người nộp.

6

Khái niệm về thuế suất

- Thuế suất trung bình: là tỷ số giữa tổng số tiền thuế phải trả trên tổng giá trị thu nhập chịu thuế
- Thuế suất biên: là doanh thu thuế tăng thêm khi giá trị thu nhập chịu thuế tăng thêm một đơn vị

7

Khái niệm về cơ sở thuế và doanh thu thuế

- Cơ sở thuế: toàn bộ giá trị thu nhập hay tài sản tính bằng tiền nằm trong diện phải nộp thuế.
- Số thu thuế = $\sum_i (\text{Thuế suất trung bình})_i \times (\text{Cơ sở thuế})_i$

8

Vai trò của thuế

- Tăng nguồn thu để tài trợ cho các chương trình chi tiêu của chính phủ.
 - “Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước...” Điều 4, Luật quản lý thuế (2006)
- Phân phối lại thu nhập.
- Công cụ quản lý kinh tế vĩ mô.

9

Các loại thuế ở Việt Nam

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu
- Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Thuế môn bài
- Thuế môi trường
- Thuế tài nguyên
- Thuế chuyển quyền sử dụng đất
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp
- Thuế nhà đất

10

Phân loại theo cơ cấu thuế

- ❑ Thuế trực thu: thuế đánh vào cá nhân hay doanh nghiệp
 - Ví dụ:
- ❑ Thuế gián thu: thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ
 - Ví dụ:
- ❑ Phí và lệ phí

11

Các tính chất của thuế

- ❑ Thuế lũy tiến: thuế suất trung bình tăng khi thu nhập tăng
 - Thuế thu nhập cá nhân.
- ❑ Thuế tỷ lệ (trung lập): thuế suất trung bình không đổi khi thu nhập chịu thuế tăng
 - Bảo hiểm xã hội.
- ❑ Thuế lũy thoái: thuế suất trung bình giảm khi thu nhập chịu thuế tăng
 - Thuế tiêu dùng
- ❑ Đo mức độ lũy tiến
 - $V = \Delta T\% / \Delta I\% > 1$

12

Các mức độ lũy tiến của thuế

- Thu nhập $I_1 > I_0$
 - $I_1 - T_1 = I_0 - T_0$: Lũy tiến tuyệt đối
 - $T_1/I_1 > T_0/I_0$: Lũy tiến
 - $T_1/I_1 = T_0/I_0$: Thuế tỷ lệ
 - $T_1/I_1 < T_0/I_0$: Lũy thoái
 - $T_1 = T_0$: Lũy thoái tuyệt đối

13

Các mức độ lũy tiến của thuế

Thu nhập $I_1 > I_0$

- $I_1 - T_1 = I_0 - T_0$: Lũy tiến tuyệt đối
 - $I_1 - T_1 = I_0 - T_0$
 - $\Leftrightarrow I_1 - I_0 = T_1 - T_0$
 - $\Leftrightarrow (T_1 - T_0)/(I_1 - I_0) = 1$ (*)
 - $I_0 > T_0 \Leftrightarrow I_0/T_0 > 1$ (**)

Kết hợp (*) và (**)

- $[(T_1 - T_0)/(I_1 - I_0)] \times I_0/T_0 > 1$
 - $\Leftrightarrow [(T_1 - T_0)/T_0] / [(I_1 - I_0)/I_0] > 1$
 - $\Leftrightarrow V = \Delta T\% / \Delta I\% > 1$

14

Tiêu chuẩn của một hệ thống thuế bền vững

- Hiệu quả kinh tế
 - Giảm thiểu tổn thất xã hội
 - Cơ sở thuế rộng
 - Thuế suất thấp
- Công bằng kinh tế
 - Công bằng dọc
 - Công bằng ngang
- Giảm chi phí thực thi
 - Đơn giản
 - Minh bạch
 - Linh hoạt

15

Thuế và công bằng kinh tế

- Công bằng ngang: hai cá nhân **giống nhau** thì phải được đối xử **như nhau** và đóng thuế **bằng nhau**.
 - Vấn đề định nghĩa các khái niệm: *như nhau, giống nhau, bằng nhau*.
- Công bằng dọc: hai cá nhân khác nhau thì phải được đối xử khác nhau và đóng thuế khác nhau.
 - Vấn đề: đo lường mức độ khác biệt giữa các chủ thể đóng thuế

16

Mặc dù dễ dàng nhận thấy tác động của thuế thông qua phản ứng của thị trường nhưng người chịu gánh nặng thuế thì chưa rõ ràng.

□ Ai là người chịu gánh nặng thuế?

17

Phân bổ gánh nặng thuế

- Gánh nặng thuế chính thức (quan điểm luật pháp): được đo bằng số thu thuế theo luật định.
- Người chịu gánh nặng thuế chính thức là người nộp trực tiếp tiền thuế cho chính phủ.
 - Ví dụ: đối với thuế thu nhập cá nhân thì chủ thể đóng thuế là người chịu gánh nặng thuế theo quan điểm luật pháp

18

Phân bổ gánh nặng thuế

- Gánh nặng thuế thực sự (quan điểm kinh tế): được đo bằng sự thay đổi nguồn lực sẵn có của các tác nhân kinh tế dưới tác động của thuế.

19

Phân bổ gánh nặng thuế

- Chuyển dịch thuế
 - Thuế có thể chuyển dịch vì nó làm thay đổi giá cả liên quan.
 - Thuế sẽ chuyển dịch về phía trước cho người tiêu dùng thông qua tăng giá
 - Thuế sẽ chuyển dịch về phía sau cho chủ sở hữu các yếu tố sản xuất bằng cách giảm lương, lợi nhuận

20

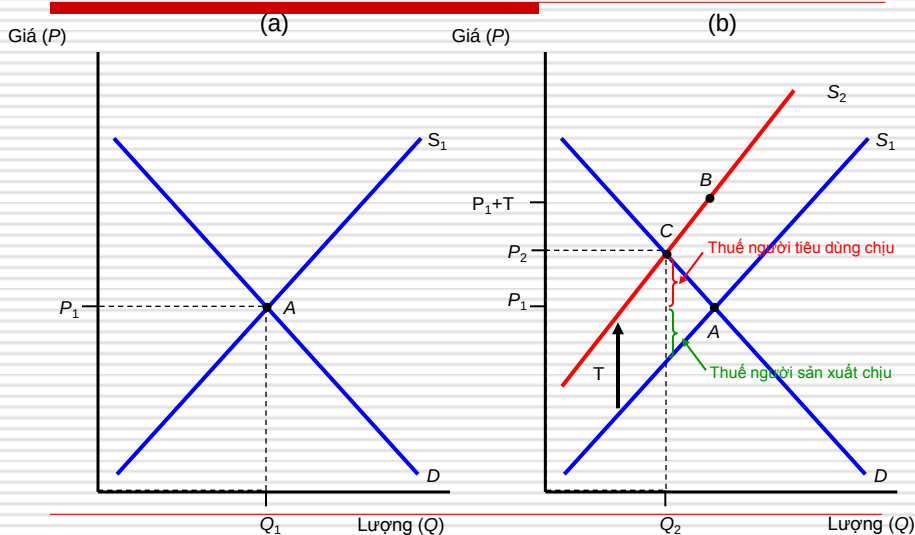
Phân bổ gánh nặng thuế

□ Ví dụ: Thuế VAT

- Gánh nặng thuế chính thức của thuế VAT là gì?
- Có sự dịch chuyển thuế hay không?
- Ai là người chịu gánh nặng thuế thực sự?

21

Phân bổ gánh nặng thuế



Phân bổ gánh nặng thuế

- Người chịu gánh nặng thuế theo quan điểm kinh tế là người không có khả năng dịch chuyển thuế.
 - Ví dụ: Trong điều kiện cầu co giãn đối với giá thì người tiêu dùng cuối cùng là một trong những bên chịu thuế thực sự.

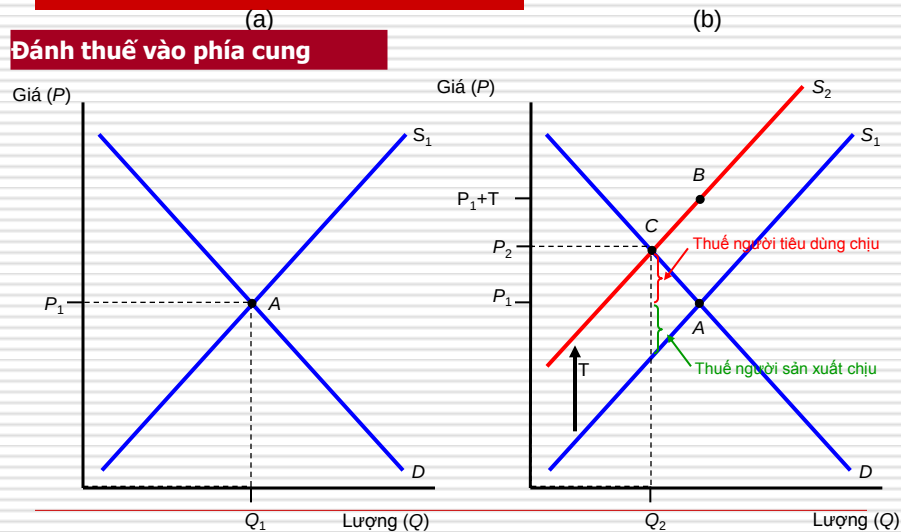
23

Phân bổ gánh nặng thuế

- Có sự khác biệt khi đánh thuế vào phía cung hay vào phía cầu ?

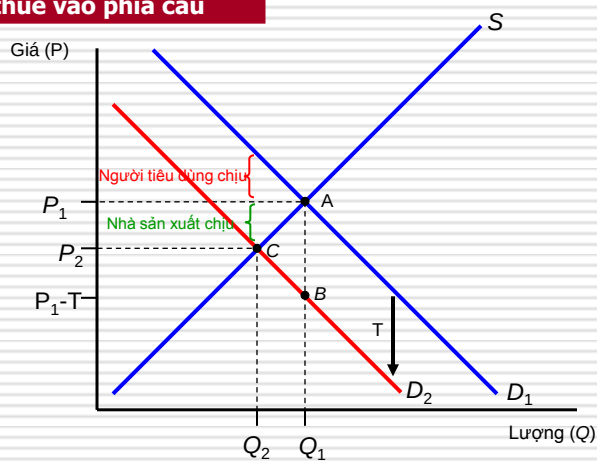
24

Phân bổ gánh nặng thuế



Phân chia gánh nặng thuế

Đánh thuế vào phía cầu



Phân bổ gánh nặng thuế

- Gánh nặng thuế thực sự không phụ thuộc vào ai là người chịu thuế theo luật định vì có sự dịch chuyển thuế.
- Yếu tố nào ảnh hưởng đến sự dịch chuyển thuế?

27

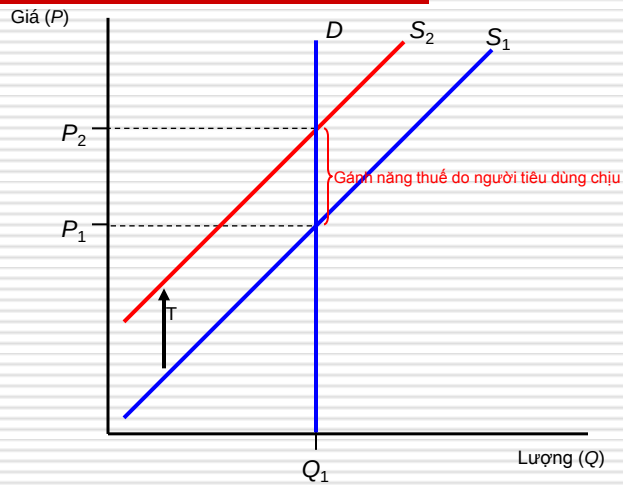
Phân bổ gánh nặng thuế

$$\Delta P_D/T = E_S/(E_S - E_D)$$

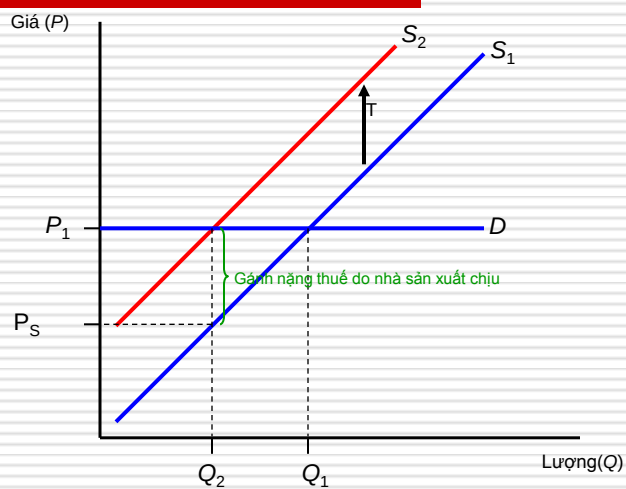
- Khi cầu không co giãn đối với giá hoặc cung co giãn đối với giá thì người tiêu dùng chịu gánh nặng thuế nhiều hơn.
- Khi cầu co giãn đối với giá hoặc cung không co giãn đối với giá thì người sản xuất chịu gánh nặng thuế nhiều hơn.
- Phân chia gánh nặng thuế không phụ thuộc vào thuế suất

28

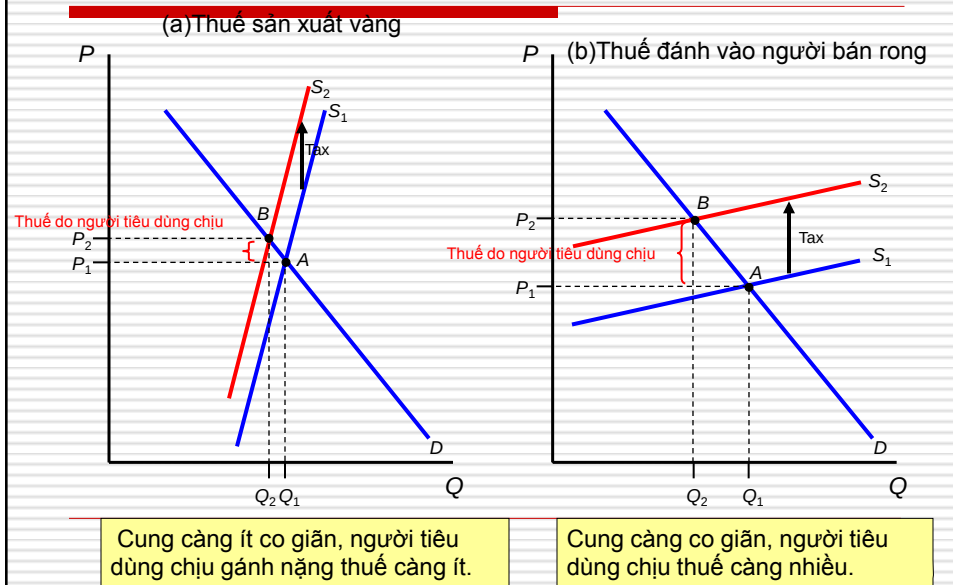
Phân bổ gánh nặng thuế



Phân bổ gánh nặng thuế



Phân bổ gánh nặng thuế



Phân bổ gánh nặng thuế

- Ba kết luận về phân bổ gánh nặng thuế:
 - Gánh nặng thuế thực sự không phụ thuộc vào ai là người chịu thuế theo luật định.
 - Việc đánh thuế vào phía cung hay phía cầu cho kết quả giống nhau về số thu thuế và phân bổ gánh nặng thuế
 - Phía nào (cung hay cầu) có độ co giãn nhỏ hơn sẽ chịu gánh nặng thuế nhiều hơn